

Số: 3062/KHPC-TTH

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2023

V/v CBTT BCTC soát xét 6  
tháng năm 2023 và Báo cáo  
giải trình lợi nhuận

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
- Mã chứng khoán: KHP
- Địa chỉ trụ sở chính: 11 Lý Thánh Tôn – TP Nha Trang – Khánh Hòa.
- Điện thoại: 02582.220220
- Fax: 02583.823828
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hải Đức  
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố :**

1. Báo cáo số 3054/KHPC-TCKT ngày 28/07/2023 của Công ty về việc giải trình kết quả SXKD trong báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023 tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2022 và chuyển từ lỗ sang lãi.
2. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/07/2023 tại đường dẫn : <https://pckhanhhoa.cpc.vn/> Quan hệ cổ đông/Thông tin định kỳ.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Lưu: VT, TCKT, TTH.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC soát xét 6 tháng 2023;
- Báo cáo giải trình lợi nhuận.



**Nguyễn Hải Đức**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3054/KHPC-TCKT

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2023

V/v giải trình kết quả SXKD trong báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng 2023 tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2022 và chuyển từ lỗ sang lãi

Kính gửi :

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (KHPC) xin giải trình các nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế trong báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023 lãi 6.820 triệu đồng, tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2022; nguyên nhân chuyển từ lỗ ở báo cáo tài chính đã được soát xét cùng kỳ năm 2022 sang lãi cùng kỳ năm 2023 (6 tháng đầu năm 2022 lỗ 125.733 triệu đồng):

1- Do tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa từng bước được phục, nên sản lượng điện thương phẩm 6 tháng đầu năm 2023 tăng 13,28% so với cùng kỳ năm 2022.

2- Thực hiện văn bản số 304/BCT-ĐTĐL ngày 27/4/2023 của Bộ Công thương, ngày 04/5/2023 Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã điều chỉnh tăng mức giá bán lẻ điện bình quân lên 3% so với giá bán lẻ bình quân hiện hành, tương đương mức tăng 55,9 đ/kWh. Tuy nhiên giá mua điện đầu vào của KHPC chưa được Tổng Công ty Điện lực miền Trung điều chỉnh kịp thời và vẫn theo giá mua điện bình quân đã giao từ đầu năm. Vì vậy lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, tổng doanh thu tăng 15,31% trong khi tổng chi phí chỉ tăng 9,17%.

Với các nguyên nhân chính nêu trên, lợi nhuận sau thuế trong báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023 lãi 6.820 triệu đồng (chênh lệch 132.554 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2022).

KHPC kính báo để Quý Ủy ban và Sở được biết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTH;
- Lưu: VT, TCKT.



**Nguyễn Hải Đức**



**ECOVIS**<sup>®</sup>  
AFA VIETNAM

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM  
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD**

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam  
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 42

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Cao Kỳ	Chủ tịch
Ông Trần Văn Khoa	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên
Ông Đào Truyền	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Đức	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Nguyễn Thị Vân	Trưởng ban	
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Phan Công Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Lê Hải Thuýét	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/04/2023

#### Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hải Đức	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đăng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Nguyễn Hải Đức, Tổng Giám đốc.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: [www.ecovis.com/vietnam/audit](http://www.ecovis.com/vietnam/audit)).

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Hải Đức**

**Tổng Giám đốc**

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 07 năm 2023

Số: 325/2023/BCSX-E.AFA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 07 năm 2023, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Phạm Quang Trung**

**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1334-2023-240-1

**Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**

*Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2023*

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Mẫu số B01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>832.604.894.550</b>	<b>800.341.806.754</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>161.781.384.574</b>	<b>237.122.165.804</b>
1. Tiền	111		16.681.384.574	20.753.165.804
2. Các khoản tương đương tiền	112		145.100.000.000	216.369.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>380.655.000.000</b>	<b>344.055.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	380.655.000.000	344.055.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>192.299.434.086</b>	<b>139.432.465.542</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	159.010.804.385	96.686.280.153
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	16.393.434.635	29.073.257.960
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	21.599.631.227	17.676.662.485
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(4.704.436.161)	(4.004.301.055)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	565.999
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>89.764.210.139</b>	<b>72.974.057.098</b>
1. Hàng tồn kho	141		89.764.210.139	72.974.057.098
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.104.865.751</b>	<b>6.758.118.310</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	7.495.998.113	2.135.496.733
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	4.622.621.577
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	608.867.638	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.330.410.292.923</b>	<b>1.370.396.497.269</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>599.748.000</b>	<b>499.972.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	599.748.000	499.972.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.195.139.228.846</b>	<b>1.261.722.637.947</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	1.192.015.305.189	1.256.538.072.832
Nguyên giá	222		3.669.252.288.054	3.623.943.028.860
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.477.236.982.865)	(2.367.404.956.028)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	3.123.923.657	5.184.565.115
Nguyên giá	228		30.113.695.872	30.113.695.872
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.989.772.215)	(24.929.130.757)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>28.952.139.972</b>	<b>8.863.640.318</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	28.952.139.972	8.863.640.318
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30.449.610.000</b>	<b>30.449.610.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.12	4.650.000.000	4.650.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.12	25.799.610.000	25.799.610.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	4.12	-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>75.269.566.105</b>	<b>68.860.637.004</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	75.269.566.105	68.860.637.004
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.163.015.187.473</b>	<b>2.170.738.304.023</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Mẫu số B01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.511.134.503.424</b>	<b>1.461.759.189.596</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>727.573.221.245</b>	<b>577.491.594.888</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	163.972.678.601	178.179.426.055
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.15	28.126.454.141	26.432.001.564
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	34.450.077.524	16.731.697.742
4. Phải trả người lao động	314		76.767.690.796	92.763.716.438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	123.293.460.222	76.696.695.789
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.17	7.876.580.381	5.147.062.245
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	29.903.625.509	31.390.751.539
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	237.876.554.511	137.453.795.403
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		25.306.099.560	12.696.448.113
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>783.561.282.179</b>	<b>884.267.594.708</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.18	37.946.606.686	35.563.935.109
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	738.264.028.670	841.180.181.686
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		7.350.646.823	7.523.477.913
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>651.880.684.049</b>	<b>708.979.114.427</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.20</b>	<b>651.880.684.049</b>	<b>708.979.114.427</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		604.059.670.000	604.059.670.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		604.059.670.000	604.059.670.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(470.673.364)	(470.673.364)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.443.636.522	9.443.636.522
4. Cổ phiếu quỹ	415		(11.173.978.888)	(11.173.978.888)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.130.697.119	1.130.697.119
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.891.332.660	105.989.763.038
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		42.071.071.479	46.976.450.008
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.820.261.181	59.013.313.030
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.163.015.187.473</b>	<b>2.170.738.304.023</b>



Nguyễn Hải Đức  
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trần Thị Triều Linh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chí  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Mẫu số B02a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	2.757.992.939.120	2.391.785.972.957
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.757.992.939.120	2.391.785.972.957
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	2.650.302.216.448	2.425.400.063.295
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		107.690.722.672	(33.614.090.338)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	16.713.017.203	14.299.912.718
7. Chi phí tài chính	22	5.4	40.259.518.321	31.804.677.161
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		40.225.348.927	31.939.170.058
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	31.597.269.267	32.020.780.382
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	44.134.696.815	46.190.836.371
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.412.255.472	(129.330.471.534)
11. Thu nhập khác	31	5.7	4.778.909.954	4.422.571.768
12. Chi phí khác	32	5.8	2.556.417.041	823.177.396
13. Lợi nhuận khác	40		2.222.492.913	3.599.394.372
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.634.748.385	(125.731.077.162)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	3.814.487.204	2.850.387
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.820.261.181	(125.733.927.549)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.5	116	(2.134)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.6	116	(2.134)



**Nguyễn Hải Đức**  
**Tổng Giám đốc**

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 07 năm 2023

**Trần Thị Triều Linh**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Chí**  
**Người lập**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.634.748.385	(125.731.077.162)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		115.163.111.123	116.824.625.517
Các khoản dự phòng	03		700.135.106	(3.781.344.749)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		34.169.394	942.128.931
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.571.157.041)	(13.663.589.393)
Chi phí lãi vay	06		40.225.348.927	31.939.170.058
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		149.186.355.894	6.529.913.202
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(51.072.489.796)	(14.910.089.574)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.790.153.041)	(1.709.446.139)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		58.086.418.999	309.315.234.637
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(11.769.430.481)	(7.619.464.222)
Tiền lãi vay đã trả	14		(39.647.053.690)	(32.092.823.641)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.207.030.779)	(1.500.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.341.032.000	2.356.847.143
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.454.655.952)	(8.147.863.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		64.672.993.154	252.222.307.833
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(69.139.171.528)	(114.912.909.535)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		866.439.471	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(200.000.000.000)	(271.901.502.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		163.400.000.000	300.640.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.565.689.475	15.325.195.907
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(93.307.042.582)	(70.849.215.628)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	184.645.846.123	203.252.604.219
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(187.173.409.425)	(378.081.526.896)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(44.179.168.500)	(14.378.819.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(46.706.731.802)	(189.207.741.747)
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ</b>				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50		(75.340.781.230)	(7.834.649.542)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60		237.122.165.804	117.243.091.391
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		161.781.384.574	109.408.441.849



Nguyễn Hải Đức  
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trần Thị Triều Linh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chí  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Điện lực Khánh Hòa – Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 30/06/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703000162 ngày 30/06/2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Khánh Hòa cấp. Từ đó đến nay, Công ty đã 14 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 09/06/2022 với mã số doanh nghiệp là 4200601069.

Theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 05/02/2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01/04/2010.

Ngày 08/12/2006 UBCK Nhà Nước cấp giấy phép niêm yết số 107/UBCKGPNY cho cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán KHP. Theo đó, ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán KHP là ngày 27/12/2006.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 604.059.670.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 941 (31 tháng 12 năm 2022 là 951 người).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Điện lực và xây dựng.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng, quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt và sửa chữa hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thi công, lắp đặt và sửa chữa hệ thống năng lượng tái tạo;
- Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110KV;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Các hoạt động khác...

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có một công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Tầng 5, tòa nhà VCN đường A1, KĐT Vĩnh Diêm Trung – Tp Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa	31%	31%	31%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG****3.1. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3.4. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.5. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.6. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

**6 tháng đầu năm 2023**

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
▪ Khác	03 – 10 năm

**3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.9. Thuê tài sản**

***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.10. Cho thuê tài sản**

***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### **3.12. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động kinh doanh điện năng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thay công tơ cháy hỏng định kỳ và chi phí công tơ phát triển mới;
- Các khoản chi phí trả trước khác (chủ yếu là giá trị công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động kinh doanh điện năng chờ phân bổ và chi phí thuê đất).

### **3.13. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.14. Chi phí đi vay**

#### ***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **3.15. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Các chi phí phải trả bao gồm chi phí trích trước mua điện mặt trời mái nhà, chi phí sửa chữa lớn, chi phí kiểm định công tơ, chi phí chỉnh trang cáp treo cột điện...

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.16. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp.

**3.17. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.18. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu dịch vụ bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp (xác định theo chỉ số trên công tơ điện của năm sử dụng điện gần nhất trước ngày lập Báo cáo tài chính) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.19 dưới đây.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

**3.19. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

**3.20. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.21. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm đi vay vốn và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

**3.22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng), chi phí hội nghị khách hàng, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí công tư phân bổ và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.23. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế theo quy định hiện hành.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.25. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.26. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.27. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	209.304.888	159.183.568
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.402.329.906	20.593.982.236
Tiền đang chuyển	69.749.780	-
Các khoản tương đương tiền	145.100.000.000	216.369.000.000
<b>Cộng</b>	<b>161.781.384.574</b>	<b>237.122.165.804</b>

**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (trên 3 tháng đến 12 tháng)	380.655.000.000	380.655.000.000	344.055.000.000	344.055.000.000
<b>Cộng</b>	<b>380.655.000.000</b>	<b>380.655.000.000</b>	<b>344.055.000.000</b>	<b>344.055.000.000</b>

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH Đóng tàu HYUNDAI - Việt Nam	4.726.934.289	3.296.397.633
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	4.072.000.000	4.072.000.000
Các đối tượng khác	150.211.870.096	89.317.882.520
<b>Cộng</b>	<b>159.010.804.385</b>	<b>96.686.280.153</b>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 8	89.678.140	61.076.948

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Á	5.963.958.334	5.963.958.334
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Nha Trang	-	13.918.000.000
Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp Thăng Uy	-	3.389.760.000
Công ty TNHH Nhất Nước	2.667.140.820	-
Công ty Xây dựng Thuận An	2.430.000.000	-
Các đối tượng khác	5.332.335.481	5.801.539.626
<b>Cộng</b>	<b>16.393.434.635</b>	<b>29.073.257.960</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.5. Phải thu khác**

**a. Ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	19.800.000	-	208.572.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.753.319.256	-	2.073.043.756	-
Lãi dự thu	15.051.260.930	-	9.912.232.835	-
Tạm ứng	699.648.000	-	152.448.000	-
Phải thu khác	4.075.603.041	-	5.330.365.894	-
<b>Cộng</b>	<b>21.599.631.227</b>	<b>-</b>	<b>17.676.662.485</b>	<b>-</b>
Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan – xem thêm mục 8	19.800.000	-	208.572.000	-

**b. Dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Dài hạn</b>				
Cầm cố, ký cược, ký quỹ dài hạn	599.748.000	-	499.972.000	-
<b>Cộng</b>	<b>599.748.000</b>	<b>-</b>	<b>499.972.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Dự phòng phải thu khách hàng tiền điện	-	-
Dự phòng phải thu khách hàng khác	(4.704.436.161)	(4.004.301.055)
<b>Cộng</b>	<b>(4.704.436.161)</b>	<b>(4.004.301.055)</b>

**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38.611.434.284	-	25.647.230.503	-
Công cụ, dụng cụ	2.863.083.767	-	1.538.316.461	-
Chi phí SX, KD dở dang	48.289.692.088	-	45.788.510.134	-
<b>Cộng</b>	<b>89.764.210.139</b>	<b>-</b>	<b>72.974.057.098</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 VND.

**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí thuê đất	7.307.613.921	396.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	188.384.192	1.739.496.733
<b>Cộng</b>	<b>7.495.998.113</b>	<b>2.135.496.733</b>
Dài hạn:		
Chi phí thay công tơ cháy hỏng thay thế định kỳ	51.394.614.973	49.636.766.838
Công tơ phát triển mới	10.650.333.135	10.848.192.650
Chi phí công cụ dụng cụ	5.137.401.435	493.999.081
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.087.216.562	7.881.678.435
<b>Cộng</b>	<b>75.269.566.105</b>	<b>68.860.637.004</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2023	235.639.901.021	1.216.174.441.113	2.029.855.127.684	133.018.998.836	9.254.560.206	3.623.943.028.860
Mua trong kỳ	-	710.188.800	271.039.946	-	-	981.228.746
Đầu tư xây dựng hoàn thành	64.046.717	23.228.342.068	25.285.863.763	100.322.882	76.620.095	48.755.195.525
Giảm do thanh lý	-	(1.676.492.727)	-	-	-	(1.676.492.727)
Giảm khác	-	(171.102.068)	(2.579.570.282)	-	-	(2.750.672.350)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>235.703.947.738</b>	<b>1.238.265.377.186</b>	<b>2.052.832.461.111</b>	<b>133.119.321.718</b>	<b>9.331.180.301</b>	<b>3.669.252.288.054</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	94.201.460.983	810.309.143.369	1.360.248.018.997	95.087.387.081	7.558.945.598	2.367.404.956.028
Khấu hao trong kỳ	4.904.683.405	38.427.496.150	63.620.652.103	5.859.052.615	290.585.392	113.102.469.665
Giảm do thanh lý	-	(1.676.492.727)	-	-	-	(1.676.492.727)
Giảm khác	-	(116.216.989)	(1.477.733.112)	-	-	(1.593.950.101)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>99.106.144.388</b>	<b>846.943.929.803</b>	<b>1.422.390.937.988</b>	<b>100.946.439.696</b>	<b>7.849.530.990</b>	<b>2.477.236.982.865</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	141.438.440.038	405.865.297.744	669.607.108.687	37.931.611.755	1.695.614.608	1.256.538.072.832
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>136.597.803.350</b>	<b>391.321.447.383</b>	<b>630.441.523.123</b>	<b>32.172.882.022</b>	<b>1.481.649.311</b>	<b>1.192.015.305.189</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.152.022.133.868 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	14.285.353.765	15.828.342.107	30.113.695.872
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>14.285.353.765</b>	<b>15.828.342.107</b>	<b>30.113.695.872</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	12.338.855.016	12.590.275.741	24.929.130.757
Khấu hao trong kỳ	315.351.954	1.745.289.504	2.060.641.458
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>12.654.206.970</b>	<b>14.335.565.245</b>	<b>26.989.772.215</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	1.946.498.749	3.238.066.366	5.184.565.115
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>1.631.146.795</b>	<b>1.492.776.862</b>	<b>3.123.923.657</b>

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.391.879.077 VND.

**4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
KHO.CTXD21CTH01 - Cải tạo Đường dây 110kV Nha Trang-Điện Khánh-Suối Dầu	4.537.353.681	4.728.622.707
KHO.CTXD22CLA02 - Hoàn thiện lưới điện trung áp khu vực Cam Lâm năm 2022	-	1.272.074.678
KHO.CTXD23CLA02 - NCS và Hoàn thiện lưới điện hạ áp Cam Lâm 2023	2.305.837.877	-
KHO.CTXD23CLA01 - Xây dựng mới TBA khu vực Cam Lâm năm 2023	2.661.972.896	-
KHO.CTXD22A09 - Hoàn thiện lưới điện trung áp khu vực phía Bắc năm 2022	2.584.417.606	252.491.316
KHO.CTXD22CTH02 - Nâng cao khả năng vận hành hệ thống thanh cái 110kV tại TBA 110kV Cam Ranh	1.911.986.754	335.376.604
Các công trình xây dựng cơ bản khác	7.654.071.334	1.841.626.968
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	7.296.499.824	433.448.045
<b>Cộng</b>	<b>28.952.139.972</b>	<b>8.863.640.318</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.12. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>4.650.000.000</b>		-	<b>4.650.000.000</b>		-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	4.185.000.000	-	4.650.000.000	3.952.500.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>25.799.610.000</b>		-	<b>25.799.610.000</b>		-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	13.824.610.000	Không xác định	-	13.824.610.000	Không xác định	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	11.975.000.000	20.549.100.000	-	11.975.000.000	20.549.100.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.449.610.000</b>		-	<b>30.449.610.000</b>		-

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác trong kỳ:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2023 và tại ngày 01/01/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HNX tại các ngày tương ứng là 30/06/2023 (15.000đ/CP) và 31/12/2022 (15.000đ/CP), số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.369.940 cổ phiếu.

Giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2023 và tại ngày 01/01/2023 của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa được xác định theo giá đóng cửa trên sàn Upcom tại các ngày tương ứng là 30/06/2023 (9.000đ/CP) và 31/12/2022 (8.500đ/CP), số lượng cổ phiếu nắm giữ: 465.000 cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn và cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	103.080.175.039	103.080.175.039	138.335.863.123	138.335.863.123
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	13.492.344.960	13.492.344.960	1.066.755.960	1.066.755.960
Công ty Tư vấn điện Miền Trung _ Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Trung	379.731.482	379.731.482	260.997.440	260.997.440
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	745.901.040	745.901.040	148.759.534	148.759.534
Công ty Điện lực Phú Yên	-	-	7.800.366.264	7.800.366.264
Công ty Cổ phần Tập đoàn Toji	1.079.535.090	1.079.535.090	3.126.924.757	3.126.924.757
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Nha Trang	-	-	5.221.211.631	5.221.211.631
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thiên Danh An	1.295.766.441	1.295.766.441	4.526.043.336	4.526.043.336
Các đối tượng khác	43.899.224.549	43.899.224.549	17.692.504.010	17.692.504.010
<b>Cộng</b>	<b>163.972.678.601</b>	<b>163.972.678.601</b>	<b>178.179.426.055</b>	<b>178.179.426.055</b>
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	117.698.152.521	117.698.152.521	147.612.742.321	147.612.742.321

**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2023		Trong kỳ		Tại ngày
	VND		VND		01/01/2023
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT	-	28.902.402.058	40.927.252.302	12.024.850.244	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	608.867.638	-	3.814.487.204	16.207.030.779	11.783.675.937
Thuế thu nhập cá nhân	-	472.371.870	10.246.555.231	14.722.205.166	4.948.021.805
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.075.303.596	9.899.383.208	4.824.079.612	-
Lệ phí môn bài	-	-	15.000.000	15.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>608.867.638</b>	<b>34.450.077.524</b>	<b>64.902.677.945</b>	<b>47.793.165.801</b>	<b>16.731.697.742</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trung tâm phát triển Quỹ đất Khánh Hòa	13.977.723.526	13.977.723.526
Trung tâm phát triển Quỹ đất Thành phố Nha Trang	5.507.665.585	5.507.665.585
Các đối tượng khác	8.641.065.030	6.946.612.453
<b>Cộng</b>	<b>28.126.454.141</b>	<b>26.432.001.564</b>

**4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Lãi vay dự trả	2.991.522.332	2.413.227.095
Chi phí phải trả khác	120.301.937.890	74.283.468.694
<b>Cộng</b>	<b>123.293.460.222</b>	<b>76.696.695.789</b>

**4.17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Cho khách hàng thuê bao MBA	2.272.778.654	1.449.096.641
Cho khách hàng thuê văn phòng	766.876.317	745.491.200
Doanh thu nhận trước hoạt động khác	4.836.925.410	2.952.474.404
<b>Cộng</b>	<b>7.876.580.381</b>	<b>5.147.062.245</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.18. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.672.056
Kinh phí công đoàn	398.406.980	198.548.600
Các khoản BHXH, BHYT, BHTN	-	209.084.259
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	549.304.966	471.550.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	26.712.705.918	26.712.705.918
Lãi vay dự án nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110 kV (i)	12.239.827.123	12.239.827.123
Tiểu dự án cải tạo lưới điện phân phối Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa thuộc dự án DEP (ii)	10.953.613.546	10.953.613.546
Dự án nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110 kV (ii)	3.519.265.249	3.519.265.249
Cổ tức phải trả	5.040.280	4.733.530
Các khoản phải trả khác	2.238.167.365	3.792.457.176
<b>Cộng</b>	<b>29.903.625.509</b>	<b>31.390.751.539</b>
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác cho bên liên quan – xem thêm mục 8	26.712.705.918	26.712.705.918
<b>Dài hạn</b>		
Tiền ký cược sử dụng điện	36.177.490.124	33.622.212.947
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	1.769.116.562	1.941.722.162
<b>Cộng</b>	<b>37.946.606.686</b>	<b>35.563.935.109</b>

(i) Công ty ghi nhận 12.239.827.123 VND tiền lãi do Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thanh toán hộ trong năm 2019 và 2020 của dự án nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110 kV.

(ii) Công ty bàn giao cho Công ty Điện lực Phú Yên (đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) nguyên trạng phần tài sản do Tổng Công ty Điện lực Miền Trung đã đầu tư, cải tạo trên 02 tài sản cũ của Công ty, đang ghi nhận trên sổ sách của Công ty tại thời điểm 0h00 ngày 01/09/2020 đối với 02 dự án lưới điện dưới đây:

- Tiểu dự án Cải tạo lưới điện phân phối Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa thuộc dự án DEP, vay vốn Ngân hàng Thế giới ("WB");
- Dự án Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 110kV Nha Trang - Ninh Hòa.

Công ty thực hiện hoàn trả cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung số tiền chênh lệch khấu hao tài sản đã trích đến thời điểm bàn giao trừ phần nguồn vốn KHCB và gốc vay Công ty đã trả cho EVNCPC, số tiền là 32.472.878.795 VND (nợ gốc là 28.953.613.546 VND; chênh lệch tỷ giá là 3.519.265.249 VND). Đến thời điểm này Công ty đã chi trả 18.000.000.000 VND (năm 2021 trả 10.000.000.000 VND, năm 2022 trả 8.000.000.000 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.19. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	70.000.000.000	70.000.000.000	170.000.000.000	100.000.000.000	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Khánh Hòa</i>	70.000.000.000	70.000.000.000	170.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	158.636.451.996	158.636.451.996	117.596.168.533	87.173.409.425	128.213.692.888	128.213.692.888
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.240.102.515	9.240.102.515	-	-	9.240.102.515	9.240.102.515
<b>Cộng</b>	<b>237.876.554.511</b>	<b>237.876.554.511</b>	<b>287.596.168.533</b>	<b>187.173.409.425</b>	<b>137.453.795.403</b>	<b>137.453.795.403</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****b. Dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn:</b>	<b>814.456.956.702</b>	<b>814.456.956.702</b>	<b>14.680.015.517</b>	<b>87.173.409.425</b>	<b>886.950.350.610</b>	<b>886.950.350.610</b>
Tập đoàn điện lực Việt Nam	8.968.781.138	8.968.781.138	7.552.658	995.687.070	9.956.915.550	9.956.915.550
Tổng Công ty Điện lực miền Trung	31.607.374.475	31.607.374.475	26.616.736	1.315.864.807	32.896.622.546	32.896.622.546
Quý đầu tư phát triển Khánh Hòa	127.351.380.000	127.351.380.000	-	14.172.000.000	141.523.380.000	141.523.380.000
Ngân hàng TMCP An Bình	15.347.845.000	15.347.845.000	-	2.474.770.000	17.822.615.000	17.822.615.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN	250.944.480.544	250.944.480.544	-	29.435.500.000	280.379.980.544	280.379.980.544
Ngân hàng TMCP Quân Đội	13.507.405.791	13.507.405.791	-	2.240.653.548	15.748.059.339	15.748.059.339
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	214.467.841.000	214.467.841.000	-	17.390.000.000	231.857.841.000	231.857.841.000
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	8.089.921.687	8.089.921.687	-	5.398.956.000	13.488.877.687	13.488.877.687
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	9.125.788.233	9.125.788.233	-	3.921.000.000	13.046.788.233	13.046.788.233
Ngân hàng TMCP Á Châu	21.192.572.000	21.192.572.000	-	3.037.428.000	24.230.000.000	24.230.000.000
Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	23.617.447.404	23.617.447.404	-	2.041.550.000	25.658.997.404	25.658.997.404
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	90.236.119.430	90.236.119.430	14.645.846.123	4.750.000.000	80.340.273.307	80.340.273.307
<b>Nợ dài hạn khác</b>	<b>91.683.626.479</b>	<b>91.683.626.479</b>	-	-	<b>91.683.626.479</b>	<b>91.683.626.479</b>
Sở tài chính Khánh Hòa	81.656.523.255	81.656.523.255	-	-	81.656.523.255	81.656.523.255
Các đối tượng khác	10.027.103.224	10.027.103.224	-	-	10.027.103.224	10.027.103.224
<b>Cộng</b>	<b>906.140.583.181</b>	<b>906.140.583.181</b>	<b>14.680.015.517</b>	<b>87.173.409.425</b>	<b>978.633.977.089</b>	<b>978.633.977.089</b>
<b>Số phải trả trong vòng 12 tháng</b>	<b>167.876.554.511</b>	<b>167.876.554.511</b>			<b>137.453.795.403</b>	<b>137.453.795.403</b>
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	158.636.451.996	158.636.451.996			128.213.692.888	128.213.692.888
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.240.102.515	9.240.102.515			9.240.102.515	9.240.102.515
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>738.264.028.670</b>	<b>738.264.028.670</b>			<b>841.180.181.686</b>	<b>841.180.181.686</b>
Trong đó: Vay các bên liên quan – Xem thêm mục 8	40.576.155.613	40.576.155.613			42.853.538.096	42.853.538.096

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn được chi tiết như sau:

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 30/06/2023				Tại ngày 01/01/2023			
						Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/ Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/ Nợ dài hạn đến hạn trả
<b>I.</b>	<b>VAY DÀI HẠN</b>												
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam					\$ 377.632,89	8.968.781.138	6.975.728.638	1.993.052.500	\$ 419.591,89	9.956.915.550	7.965.541.410	1.991.374.140
	Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới	USD	1,2%/năm	19 năm	06 tháng, từ ngày 15/06/2010	\$ 377.632,89	8.968.781.138	6.975.728.638	1.993.052.500	\$ 419.591,89	9.956.915.550	7.965.541.410	1.991.374.140
2	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung					\$ 1.330.836,82	31.607.374.475	28.973.426.800	2.633.947.675	\$ 1.386.288,35	32.896.622.546	30.264.892.932	2.631.729.614
	TBA 110KV Ninh Thủy và nhánh rẽ	USD	1,42%/năm	25 năm	06 tháng, từ ngày 05/02/2021	\$ 1.330.836,82	31.607.374.475	28.973.426.800	2.633.947.675	\$ 1.386.288,35	32.896.622.546	30.264.892.932	2.631.729.614
3	Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa					-	127.351.380.000	99.829.380.000	27.522.000.000	-	141.523.380.000	113.590.380.000	27.933.000.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, cải tạo các TBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	7,9%/năm đến 8,29%/năm (tùy thuộc vào khoản vay)	Từ 60 tháng đến 120 tháng (Tùy thuộc vào khoản vay)	01 tháng, từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2022 (tùy thuộc vào khoản vay)		127.351.380.000	99.829.380.000	27.522.000.000		141.523.380.000	113.590.380.000	27.933.000.000
4	Ngân hàng TMCP An Bình					-	15.347.845.000	10.808.305.000	4.539.540.000	-	17.822.615.000	12.893.075.000	4.929.540.000
	Nhà điều hành Diên Khánh - Khánh Vĩnh	VND	10,4%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 01/2015		370.000.000	-	370.000.000		760.000.000	-	760.000.000
	Sửa chữa điện nông Khánh Hòa - Hotline	VND	10,15%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 9/2016		2.622.600.000	1.747.800.000	874.800.000		3.060.000.000	2.185.200.000	874.800.000
	Vay tài trợ dự án Amorphuos	VND	10,4%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 4/2017		2.625.000.000	1.925.000.000	700.000.000		2.975.000.000	2.275.000.000	700.000.000
	Dự án NCS E33 lắp MBA T2 T.110KV Nam Cam Ranh	VND	10,4%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 4/2017		9.730.245.000	7.135.505.000	2.594.740.000		11.027.615.000	8.432.875.000	2.594.740.000
5	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam					-	250.944.480.544	213.572.750.506	37.371.730.038	-	280.379.980.544	242.688.250.506	37.691.730.038
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, lắp đặt thiết bị điện, thay thế MBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	Từ 9,3%/năm đến 10%/năm (tùy thuộc vào khoản vay)	Từ 120 tháng đến 240 tháng (tùy thuộc vào khoản vay)	03 tháng, từ tháng 7/2014 đến tháng 03/2023 (tùy thuộc vào khoản vay)		250.944.480.544	213.572.750.506	37.371.730.038		280.379.980.544	242.688.250.506	37.691.730.038

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 30/06/2023				Tại ngày 01/01/2023			
						Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/ Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/ Nợ dài hạn đến hạn trả
6	Ngân hàng TMCP Quân Đội					-	13.507.405.791	9.026.098.695	4.481.307.096	-	15.748.059.339	11.266.752.243	4.481.307.096
	Các khoản vay liên quan đến nâng cấp cải tạo hệ thống liên quan đến ngành điện	VND	Từ 10%/năm đến 10,15%/năm (tùy thuộc vào khoản vay)	Từ 60 tháng đến 120 tháng (tùy thuộc vào khoản vay)	01 tháng hoặc 03 tháng, từ tháng 01/2019 đến tháng 7/2020 (tùy thuộc vào khoản vay)		10.917.925.791	8.162.914.695	2.755.011.096		12.295.431.339	9.540.420.243	2.755.011.096
	21250.19.800.1603479.TD (Mua TS) - Vay mua TSCĐ (MB Bank)	VND	10,15%/năm	60 tháng	01 tháng, từ tháng 01/2020		2.589.480.000	863.184.000	1.726.296.000		3.452.628.000	1.726.332.000	1.726.296.000
7	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam					-	214.467.841.000	179.462.841.000	35.005.000.000	-	231.857.841.000	206.025.841.000	25.832.000.000
	01.KHPC/HĐTD - Các công trình giảm tổn thất điện năng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện 2018 (Agribank)	VND	9,5%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2019		34.240.000.000	29.215.000.000	5.025.000.000		36.640.000.000	31.840.000.000	4.800.000.000
	02.2019.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư 28 dự án năm 2018 chuyển tiếp - Agribank	VND	9,5%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 7/2019		51.947.458.000	43.947.458.000	8.000.000.000		55.947.458.000	47.947.458.000	8.000.000.000
	03.2019.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư 11 dự án các công trình HTLĐ trung áp năm 2019 - Agribank	VND	9,5%/năm	126 tháng	03 tháng, từ tháng 7/2019		29.887.274.000	25.607.274.000	4.280.000.000		32.027.274.000	27.747.274.000	4.280.000.000
	04.2020.KHPC/HĐTD - Mua sắm xe gầu Hotline và hệ thống dụng cụ bypass	VND	9,5%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2020		8.241.779.000	7.089.779.000	1.152.000.000		8.817.779.000	7.665.779.000	1.152.000.000
	05.2020.KHPC/HĐTD - Mua sắm thiết bị đo đếm, mua sắm thiết bị/ thuê thiết bị đo xa 2020	VND	9,5%/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2020		17.039.398.000	9.439.398.000	7.600.000.000		20.839.398.000	13.239.398.000	7.600.000.000
	06.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	9,5%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 11/2022		48.902.343.000	43.150.343.000	5.752.000.000		51.778.343.000	51.778.343.000	-
	07.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	9,5%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2022		22.120.820.000	19.520.820.000	2.600.000.000		23.420.820.000	23.420.820.000	-
	08.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	9,5%/năm	60 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2022		2.088.769.000	1.492.769.000	596.000.000		2.386.769.000	2.386.769.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 30/06/2023				Tại ngày 01/01/2023			
						Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/ Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/ Nợ dài hạn đến hạn trả
8	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam					-	8.089.921.687	-	8.089.921.687	-	13.488.877.687	2.690.965.687	10.797.912.000
	LAV190020525/1200 (EXIM) - Vay tài trợ công tơ điện từ và đo xa 2018	VND	9,6%/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 3/2020		8.089.921.687	-	8.089.921.687		13.488.877.687	2.690.965.687	10.797.912.000
9	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)					-	9.125.788.233	1.283.788.233	7.842.000.000	-	13.046.788.233	5.204.788.233	7.842.000.000
	01/2019/311745/HĐTD - Vay mua công tơ điện 2019 (BIDV)	VND	9,6%/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2020		9.125.788.233	1.283.788.233	7.842.000.000		13.046.788.233	5.204.788.233	7.842.000.000
10	Ngân hàng TMCP Á Châu					-	21.192.572.000	15.117.716.000	6.074.856.000	-	24.230.000.000	24.230.000.000	-
	Vay mua Công tơ điện 2021	VND	9,3%/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 11/2022		21.192.572.000	15.117.716.000	6.074.856.000		24.230.000.000	24.230.000.000	-
11	Công ty tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFC)					-	23.617.447.404	19.534.350.404	4.083.097.000	-	25.658.997.404	21.575.897.404	4.083.100.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, lắp đặt thiết bị điện, thay thế MBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	10%/năm	120 tháng	03 tháng từ tháng 3/2020 đến tháng 12/2020		23.617.447.404	19.534.350.404	4.083.097.000		25.658.997.404	21.575.897.404	4.083.100.000
12	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nha Trang						90.236.119.430	71.236.119.430	19.000.000.000		80.340.273.307	80.340.273.307	-
	Các dự án đầu tư xây dựng và cải tạo lưới điện thuộc kế hoạch ĐTXD 2022	VND	9,5%/năm	120 tháng	06 tháng, từ tháng 06/2023		85.624.327.430	66.624.327.430	19.000.000.000		75.728.481.307	75.728.481.307	-
	Vay mua Công tơ điện 2022	VND	9,5%/năm	60 tháng	06 tháng, từ tháng 08/2023		4.611.792.000	4.611.792.000	-		4.611.792.000	4.611.792.000	-
<b>II. NỢ DÀI HẠN</b>													
1	Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa	VND	0%/năm	120 tháng	12 tháng		81.656.523.255	72.416.420.740	9.240.102.515		81.656.523.255	72.416.420.740	9.240.102.515
2	Các đối tượng khác	VND	0%/năm				10.027.103.224	10.027.103.224	-		10.027.103.224	10.027.103.224	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>\$ 1.708.469,71</b>	<b>906.140.583.181</b>	<b>738.264.028.670</b>	<b>167.876.554.511</b>	<b>\$ 1.805.880,24</b>	<b>978.633.977.089</b>	<b>841.180.181.686</b>	<b>137.453.795.403</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.20. Vốn chủ sở hữu****4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	589.714.420.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(11.173.978.888)	1.130.697.119	91.933.711.963	680.577.813.352
Lỗi trong 6 tháng đầu năm trước		-	-	-	-	(125.733.927.549)	(125.733.927.549)
Tăng vốn từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2021	14.345.250.000	-	-	-	-	(14.345.250.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2021	-	-	-	-	-	(16.244.151.455)	(16.244.151.455)
Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2021	-	-	-	-	-	(14.367.860.500)	(14.367.860.500)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2022</b>	<b>604.059.670.000</b>	<b>(470.673.364)</b>	<b>9.443.636.522</b>	<b>(11.173.978.888)</b>	<b>1.130.697.119</b>	<b>(78.757.477.541)</b>	<b>524.231.873.848</b>
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước						184.747.240.579	184.747.240.579
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>604.059.670.000</b>	<b>(470.673.364)</b>	<b>9.443.636.522</b>	<b>(11.173.978.888)</b>	<b>1.130.697.119</b>	<b>105.989.763.038</b>	<b>708.979.114.427</b>
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay		-	-	-	-	6.820.261.181	6.820.261.181
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (i)		-	-	-	-	(19.739.216.309)	(19.739.216.309)
Chia cổ tức (ii)		-	-	-	-	(44.179.475.250)	(44.179.475.250)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>604.059.670.000</b>	<b>(470.673.364)</b>	<b>9.443.636.522</b>	<b>(11.173.978.888)</b>	<b>1.130.697.119</b>	<b>48.891.332.660</b>	<b>651.880.684.049</b>

(i) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2023.

(ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2023 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 7,5%/VĐL chi trả bằng tiền mặt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.20.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	604.059.670.000	589.714.420.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	14.345.250.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp cuối kỳ</b>	<b>604.059.670.000</b>	<b>604.059.670.000</b>

**4.20.3. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	314.935.300.000	314.935.300.000
Các cổ đông khác	274.124.370.000	274.124.370.000
Cổ phiếu quỹ	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>604.059.670.000</b>	<b>604.059.670.000</b>

**4.20.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	60.405.967	60.405.967
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.405.967	60.405.967
- Cổ phiếu phổ thông	60.405.967	60.405.967
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.905.967	58.905.967
- Cổ phiếu phổ thông	58.905.967	58.905.967
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.20.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	6.820.261.181	(125.733.927.549)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.820.261.181	(125.733.927.549)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	58.905.967	58.905.967
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>116</b>	<b>(2.134)</b>

**4.20.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	6.820.261.181	(125.733.927.549)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.820.261.181	(125.733.927.549)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	58.905.967	58.905.967
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (*)	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	58.905.967	58.905.967
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>116</b>	<b>(2.134)</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2023 đã thông qua phương án sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến được dùng để chia cho cổ đông là 1.472.649 cổ phiếu (tỷ lệ phân phối là 2,5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành). Nguồn vốn thực hiện chia cổ phiếu quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty và thời gian dự kiến thực hiện trong năm 2023.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này được tính từ lợi nhuận sau thuế TNDN chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích quỹ này).

**4.20.7. Cổ tức**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2023 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 7,5%/VĐL chi trả bằng tiền mặt, tương ứng 44.179.475.250 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Doanh thu bán điện	2.702.362.018.415	2.324.859.931.325
- <i>Doanh thu bán điện thương phẩm</i>	2.698.865.544.383	2.321.156.793.163
- <i>Doanh thu công suất phản kháng</i>	3.496.474.032	3.703.138.162
Doanh thu hoạt động cho thuê cột điện	24.711.367.311	20.017.822.999
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	19.705.401.386	35.634.274.972
- <i>Xây lắp điện</i>	8.114.315.119	21.576.763.786
- <i>Khảo sát, thiết kế công trình điện</i>	332.187.056	1.092.780.224
- <i>Mắc dây, đặt điện</i>	4.248.084.825	5.809.071.339
- <i>Sửa chữa, thí nghiệm điện</i>	7.010.814.386	7.155.659.623
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.299.020.664	8.059.900.967
Doanh thu nhượng bán vật tư, hàng hóa, phế liệu	2.915.131.344	3.214.042.694
<b>Cộng</b>	<b>2.757.992.939.120</b>	<b>2.391.785.972.957</b>
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	396.623.937	413.224.667

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Giá vốn bán điện	2.628.296.030.495	2.385.973.992.467
Giá vốn hoạt động cho thuê cột điện	4.901.621.694	6.701.168.370
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	13.862.287.589	28.458.347.478
- <i>Xây lắp điện</i>	6.296.845.472	18.443.193.043
- <i>Khảo sát, thiết kế công trình điện</i>	199.594.840	694.742.472
- <i>Mắc dây, đặt điện</i>	2.746.504.350	4.763.793.314
- <i>Sửa chữa, thí nghiệm điện</i>	4.619.342.927	4.556.618.649
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.422.204.108	1.693.108.447
Giá vốn nhượng bán vật tư, hàng hóa, phế liệu	1.820.072.562	2.573.446.533
<b>Cộng</b>	<b>2.650.302.216.448</b>	<b>2.425.400.063.295</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.944.364.020	13.663.589.393
Cổ tức lợi nhuận được chia	760.353.550	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.299.633	7.763.215
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	628.560.110
<b>Cộng</b>	<b>16.713.017.203</b>	<b>14.299.912.718</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	40.225.348.927	31.939.170.058
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(1.155.052.557)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	7.091.071
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	34.169.394	942.128.931
Chi phí tài chính khác	-	71.339.658
<b>Cộng</b>	<b>40.259.518.321</b>	<b>31.804.677.161</b>

**5.5. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.780.018.067	9.527.596.847
Chi phí nhân viên bán hàng	15.348.490.644	16.207.121.086
Chi phí khấu hao tài sản	84.961.116	105.762.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.584.034.935	4.324.726.222
Chi phí bằng tiền khác	1.799.764.505	1.855.573.627
<b>Cộng</b>	<b>31.597.269.267</b>	<b>32.020.780.382</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	510.697.410	830.625.095
Chi phí nhân viên quản lý	24.001.185.886	28.063.374.687
Chi phí khấu hao tài sản	7.441.505.307	10.676.587.670
Dự phòng/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	700.135.106	(2.626.292.192)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.119.726.840	3.755.919.868
Chi phí bằng tiền khác	7.361.446.266	5.490.621.243
<b>Cộng</b>	<b>44.134.696.815</b>	<b>46.190.836.371</b>

**5.7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	866.439.471	-
Các khoản thu nhập khác	3.912.470.483	4.422.571.768
<b>Cộng</b>	<b>4.778.909.954</b>	<b>4.422.571.768</b>

**5.8. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Thuế GTGT năm 2016 bị truy thu theo KL thanh tra thuế	212.684.520	-
Tiền chậm nộp thuế GTGT và TNDN năm 2016 theo KL thanh tra thuế	1.330.160.275	-
Các khoản chi phí khác	1.013.572.246	823.177.396
<b>Cộng</b>	<b>2.556.417.041</b>	<b>823.177.396</b>

**5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.902.304.004	74.287.531.299
Chi phí nhân công	146.207.295.384	160.681.877.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.388.351.908	116.303.598.122
Dự phòng/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	700.135.106	(2.626.292.192)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.396.690.620.581	2.131.765.857.811
Chi phí khác bằng tiền	19.646.657.501	23.979.536.566
<b>Cộng</b>	<b>2.728.535.364.484</b>	<b>2.504.392.108.933</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.634.748.385	(125.731.077.162)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.919.228.335	1.008.565.696
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.679.581.885	1.008.565.696
- Chi phí không được trừ	2.679.581.885	1.008.565.696
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(760.353.550)	-
- Cổ tức được nhận	(760.353.550)	-
Tổng thu nhập tính thuế	12.553.976.720	(124.722.511.466)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.814.487.204</b>	<b>2.850.387</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	2.510.795.344	-
Chi phí thuế TNDN các năm trước bổ sung trong kỳ này	1.303.691.860	2.850.387

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	184.645.846.123	203.252.604.219
<b>Cộng</b>	<b>184.645.846.123</b>	<b>203.252.604.219</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	187.173.409.425	378.081.526.896
<b>Cộng</b>	<b>187.173.409.425</b>	<b>378.081.526.896</b>

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là bán điện trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa thuộc lãnh thổ duy nhất là Việt Nam. Doanh thu từ bán điện chiếm 98% tổng doanh thu trong kỳ.

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Điện lực Phú Yên	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Tư vấn điện Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên Ban Quản lý
Các bên liên quan khác trong nội bộ tập đoàn và bên liên quan khác theo quy định hiện hành	Bên liên quan khác

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	89.678.140	61.076.948
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b>89.678.140</b>	<b>61.076.948</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	19.800.000	208.572.000
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.5</b>	<b>19.800.000</b>	<b>208.572.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	103.080.175.039	138.335.863.123
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	13.492.344.960	1.066.755.960
Công ty Tư vấn điện Miền Trung - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Trung	379.731.482	260.997.440
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	745.901.040	148.759.534
Công ty Điện lực Phú Yên	-	7.800.366.264
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.13</b>	<b>117.698.152.521</b>	<b>147.612.742.321</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	26.712.705.918	26.712.705.918
- Phải trả lãi vay	12.239.827.123	12.239.827.123
- Phải trả khác	14.472.878.795	14.472.878.795
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.18</b>	<b>26.712.705.918</b>	<b>26.712.705.918</b>
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>		
Vay dài hạn	40.576.155.613	42.853.538.096
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	8.968.781.138	9.956.915.550
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	31.607.374.475	32.896.622.546
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.19</b>	<b>40.576.155.613</b>	<b>42.853.538.096</b>

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa</b>		
Bán điện	340.661.937	413.224.667
Cho thuê máy biến áp	55.962.000	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.1</b>	<b>396.623.937</b>	<b>413.224.667</b>
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Trả gốc vay	995.687.070	961.700.280
Trả lãi vay	60.339.006	70.528.121
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</b>		
Mua điện thương phẩm	1.966.406.540.177	1.701.958.280.411
Chia cổ tức	23.620.147.500	7.681.349.000
Trả gốc vay	1.315.864.807	1.263.185.853
Trả lãi vay	762.794.480	163.860.413
<b>Công ty Điện lực Phú Yên</b>		
Thuê tài sản	42.087.195.604	39.997.954.137
<b>Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</b>		
Mua vật tư	11.295.990.000	12.827.568.000
<b>Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung</b>		
Dịch vụ kiểm định	5.815.475.518	965.704.465
<b>Công ty Tư vấn điện Miền Trung - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</b>		
Dịch vụ Tư vấn	1.047.000.392	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Thủ lao của các thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Đối tượng	Chức danh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Ông Đào Truyền	Thành viên HĐQT	68.628.200	85.981.200
Ông Trần Văn Khoa	Thành viên HĐQT	62.672.000	77.950.000
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT	62.672.000	77.950.000
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 19/04/2023)	9.936.000	-
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 19/04/2023)	9.936.000	-
Ông Phan Công Bình	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 19/04/2023)	66.572.200	77.531.200
Ông Lê Hải Thuyết	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 19/04/2023)	65.074.600	70.347.160
<b>Cộng</b>		<b>345.491.000</b>	<b>389.759.560</b>

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác

Đối tượng	Chức danh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Cao Kỳ	Chủ tịch HĐQT	545.030.784	663.363.169
Ông Nguyễn Hải Đức	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	536.279.752	541.377.503
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	425.963.090	502.224.890
Ông Trần Đăng Hiền	Phó Tổng Giám đốc	399.041.395	479.104.496
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc	409.353.098	347.720.388
Bà Nguyễn Thị Vân	Trưởng ban kiểm soát	427.699.146	496.003.090
<b>Cộng</b>		<b>2.743.367.265</b>	<b>3.029.793.536</b>

**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG****Công ty là bên đi thuê**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản thuê hoạt động các tài sản với Công ty Điện lực Phú Yên theo các Nghị quyết số 648/NQ-HĐTV ngày 01/10/2020 về việc cho thuê tài sản các dự án điện do EVNCPC trực tiếp đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết số 973/NQ-HĐTV ngày 31/12/2021 về việc cho thuê tài sản lưới điện Đường sắt tỉnh Khánh Hòa. Theo đó, các dự án đã thuê bao gồm:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

<b>Tài sản đi thuê</b>	<b>Nguyên giá tài sản đi thuê 1.000.000 VND</b>
Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải ĐZ 110kV từ TBA 110kV Nha Trang Ninh Hòa	90.395
Tiểu dự án cải tạo lưới điện phân phối Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa thuộc dự án DEP, vay vốn WB	92.937
Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015 - 2020 (Dự án 2081 tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 1,2 và 3)	69.264
TBA 110kV Trung tâm Nha Trang và đầu nối	173.285
Công trình đầu nối 110kV sau TBA 220kV Vân Phong	31.275
Nâng cao KN mang tải ĐZ 110 kV Suối dầu Cam Ranh	80.473
Tài sản lưới điện đường sắt tỉnh Khánh Hòa	2.151
Mở rộng TTGS vận hành LD tại EVNCPC kết nối dữ liệu SCADA với 13 TTĐK tại các tỉnh miền Trung	248
<b>Cộng</b>	<b>540.028</b>

Thời hạn thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động là từ 5 đến 10 năm:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	42.087.195.604	39.997.954.137

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



**Nguyễn Hải Đức**  
**Tổng Giám đốc**

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 07 năm 2023

**Trần Thị Triều Linh**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Chí**  
**Người lập**